

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 207/2024/HS-ST
Ngày 22/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn.
- Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xử án A - Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An và điểm cầu thành phần: Phòng hỏi cung - Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 151/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Dương Tấn Đ, sinh năm 2002 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số A khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Dương Hoàng T, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị Hồng X, sinh năm 1986; bị cáo có 02 chị em ruột, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2011; có 01 con ruột, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 29/12/2021, bị UBND phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, theo Quyết định số: 41/QĐ-UBND với thời hạn 03 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 29/3/2022.

- Ngày 19/10/2022, bị Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 1.500.000 đồng, theo Quyết định số: 101/QĐ-XPHC, đóng tiền phạt ngày 23/11/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2023 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Huỳnh L (tên gọi khác: Bé T1), sinh năm 2003 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số C khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Huỳnh H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971; bị cáo có 02 anh ruột, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/7/2023, bị Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác” với số tiền 6.500.000 đồng, theo Quyết định số: 49/QĐ-XPCLBB, chưa đóng tiền phạt; nhân thân: Ngày 20/10/2020, bị Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 375.000 đồng, theo Quyết định số: 140/QĐ-XPHC, đóng tiền phạt ngày 21/12/2020; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2023 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1985; thường trú: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: Số I T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phạm Thị Kim T3, sinh năm 1978; địa chỉ: Số E đường C, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Lê Huỳnh H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A đường B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 28/11/2023, Lê Huỳnh L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng đen, biển số 61C2-269.19 đến nhà Dương Tấn Đ tại địa chỉ số A khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương chơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ rủ L đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì L đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển số 61C2-269.19 chở Đ đi từ phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến thành phố D, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi cả hai đi đến đường T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì Đ nhìn thấy bà Bùi Thị T2 đang điều khiển xe đạp điện lưu thông phía trước cùng chiều, trên cổ bà T2 đeo 01 sợi dây chuyền bằng vàng. Lúc này, Đ nói cho L biết “bà kia có kia”, L điều khiển xe mô tô vòng lại phía sau bà T2, khi đến trước nhà số B đường T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, L điều khiển xe mô tô chạy lên áp sát bên trái bà T2, Đ dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ bà T2 cầm trong lòng bàn tay rồi Đ kêu L chạy tẩu thoát. Khi về nhà đến nhà của Đ tại địa chỉ số A khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Đ lấy sợi dây chuyền đưa cho L xem. Sau đó, Đ đem sợi dây chuyền vừa chiếm đoạt được đến tiệm V” địa chỉ số E đường C, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bà

Phạm Thị Kim T3 làm chủ bán được số tiền 4.600.000 đồng, Đ chia cho L 2.300.000 đồng. Số tiền trên L và Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 15/12/2023, bà Bùi Thị T2 đến Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương trình báo vụ việc. Ngày 15/12/2023, Lê Huỳnh L và Dương Tấn Đ đến Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng đen, biển số 61C2-269.19, số khung RLHJA3923NY222015, số máy JA39E2718994.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 224/KLĐGTS ngày 21/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố D, tỉnh Bình Dương kết luận: Sợi dây chuyền, một mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,2 chỉ có trị giá 5.310.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì Kết luận định giá tài sản số: 224/KLĐGTS ngày 21/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đối với hành vi của bà Phạm Thị Kim T3, chủ tiệm vàng “Kim Kim T4” mua sợi dây chuyền và mặt sợi dây chuyền bằng vàng do không biết tài sản các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương không đề cập xem xét giải quyết.

Tại bản cáo trạng số: 172/CT-VKS-DA ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Huỳnh L và Dương Tấn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo Lê Huỳnh L và Dương Tấn Đ, mỗi bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng đen, biển số 61C2-269.19, số khung RLHJA3923NY222015, số máy JA39E2718994. Qua xác minh chủ sở hữu là ông Lê Huỳnh H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A đường B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương là anh ruột của bị cáo Lê Huỳnh L. Ông H1 không cho bị cáo L mượn xe mô tô, xe mô tô bị cáo L tự lấy đi và ông H1 cũng không biết L sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại xe mô tô trên cho ông H1.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị Tình yêu c các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 5.310.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với bị hại.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đồng thời các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại Bùi Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Thị Kim T3 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; kết luận định giá và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/11/2023, tại đường T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lê Huỳnh L điều khiển xe mô tô biển số 61C2-269.19 chở Dương Tấn Đ ngồi sau giật sợi dây chuyền và mặt dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ của bà Bùi Thị T2 có trị giá 5.310.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi các bị cáo điều khiển xe mô tô giật dây chuyền bằng vàng và mặt dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ có trị giá 5.310.000 đồng của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Do đó, Cáo trạng số: 172/CT-VKS-DA ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo Lê Huỳnh L và Dương Tấn Đ về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tính mạng, sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ nên không coi là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời các bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, hành vi điều khiển xe mô tô giật tài sản của bị hại là rất nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và tính mạng, sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây tác hại cho xã hội, đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng đen, biển số 61C2-269.19, số khung RLHJA3923NY222015, số máy JA39E2718994. Qua xác minh chủ sở hữu ông Lê Huỳnh H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A đường B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương là anh ruột của bị cáo Lê Huỳnh L. Ông H1 không cho bị cáo L mượn xe mô tô, xe mô tô bị cáo L tự lấy đi và ông H1 cũng không biết L sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại xe mô tô trên cho ông H1 nên không đặt ra xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị Tình yêu c các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 5.310.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với bị hại.

[12] Đối với hành vi của bà Phạm Thị Kim T3, chủ tiệm vàng “Kim Kim T4” mua sợi dây chuyền và mặt sợi dây chuyền vàng do không biết tài sản các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương không đề cập xem xét giải quyết, là đúng theo quy định của pháp luật.

[13] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Huỳnh L và Dương Tấn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Huỳnh L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

- Xử phạt bị cáo Dương Tấn Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019-NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Buộc các bị cáo Lê Huỳnh L và Dương Tấn Đ liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Thị T2 số tiền 5.310.000 đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Huỳnh L và Dương Tấn Đ, mỗi bị cáo phải phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

